

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2025/DS-ST

Ngày: 26/02/2025

“V/v tranh chấp hợp đồng dân  
sự vay tài sản”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Châu Vũ Sơn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Tô Ngọc Liêm;
- Bà Đào Thị Thu Vân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Tiểu Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1047/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 56/QĐHPT ngày 10 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Lê Khắc B, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

Bà Lê Thị M, sinh năm 1967; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

Bà Lê Thị M ủy quyền cho ông Lê Khắc B, sinh năm 1972. Theo văn bản ủy quyền ngày 20 tháng 01 năm 2025 đã được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang chứng thực.

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Khắc B đồng thời là đại diện ủy quyền của bà M trình bày, Do chỗ quen biết với bà L nên vợ chồng ông B, bà M có cho bà L vay nhiều lần với số tiền 110.000.000 đồng, do tin tưởng trong công việc làm ăn nên không có làm biên nhận nợ, hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng chỉ thỏa thuận miệng, nhưng sau đó bà L vẫn không có đóng lãi và cũng không trả vốn. Ngày 19/10/2023 vợ chồng ông B, bà M có thưa ra ban ấp L, xã L, huyện C, tại buổi làm việc thì bà L vẫn thừa nhận số tiền bà còn thiếu vợ chồng ông B, bà M là 110.000.000 đồng và cam kết đến ngày 25/4/2024 sẽ trả cho vợ chồng ông B, bà M số tiền 25.000.000 đồng, số tiền còn lại trả dần mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho vợ chồng ông B, bà M, nhưng từ đó đến nay bà L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông B, bà M. Nay, ông B đồng thời là người đại diện ủy quyền cho bà M yêu cầu bà L có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông B, bà M số tiền vay 110.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 02/12/2024 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình (bản sao); biên bản hòa giải của ban Á, xã L, huyện C, tỉnh An Giang (bản sao).

- Bà Nguyễn Thị L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn ông B, bà M đã cung cấp các tài liệu chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; không còn tài liệu, chứng cứ nào khác.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị L vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến giải quyết vụ án:

Do chỗ quen biết nên ông Lê Khắc B, bà Lê Thị M có cho bà Nguyễn Thị L vay nhiều lần với tổng số tiền 110.000.000 đồng, không có làm biên nhận nợ, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, nhưng bà L không có đóng lãi như thỏa thuận. Ngày 19/10/2023, tại ban Á, xã L, bà L vẫn thừa nhận còn nợ số tiền 110.000.000 đồng, cam kết ngày 25/4/2024 trả số tiền 25.000.000 đồng, còn lại trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng không thực hiện. Tại phiên tòa, ông B yêu cầu bà L trả số tiền vay 110.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 02/12/2024 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Phía bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi nhận ý kiến.

Xét thấy, việc giao dịch vay tài sản giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận, nội dung giao – nhận số tiền 110.000.000 đồng, tuy các bên không lập biên nhận nợ nhưng tại biên bản hòa giải ngày 19/10/2023, bà L thừa nhận số nợ trên nên nhưng trong quá trình tố tụng, bà L không có ý kiến phản hồi của ông B, bà M nên việc ông B, bà M khởi kiện là phù hợp Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

Về lãi suất, do bà L chậm thực hiện nghĩa thanh toán, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông B, bà M nên việc ông B, bà M yêu cầu tính lãi suất theo quy định kể từ ngày 02/12/2024 là phù hợp Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Khắc B, bà Lê Thị M.

- Buộc bà Nguyễn Thị L trả ông Lê Khắc B, bà Lê Thị M số tiền 110.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 02/12/2024 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*\* Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông Lê Khắc B, bà Lê Thị M yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả số tiền vay 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng). Bà Nguyễn Thị L có nơi cư trú ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Trước khi phiên tòa được mở bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*\* Về nội dung:*

[3] *Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:*

Qua lời khai, lời trình bày của ông B và đồng thời là người đại diện ủy quyền cho bà M tại các biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ cung cấp và qua quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định. Do chỗ quen biết với bà L nên vợ chồng ông B, bà M có cho bà L vay nhiều lần với số tiền 110.000.000 đồng, do tin tưởng trong công việc làm ăn nên không có làm biên nhận nợ, hai bên có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng chỉ thỏa thuận miệng, nhưng sau đó bà L vẫn không có đóng lãi và cũng không trả vốn. Ngày 19/10/2023 vợ chồng ông có thưa ra ban Á, xã L, huyện C, tại buổi làm việc thì bà L vẫn thừa nhận số tiền bà còn thiếu vợ chồng ông B, bà M là 110.000.000 đồng, bà L hẹn đến ngày 25/4/2024 sẽ trả cho vợ chồng ông B, bà M số tiền 25.000.000 đồng, số tiền còn lại trả dần mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho vợ chồng ông B, bà M, nhưng từ đó đến nay bà L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông B, bà M. Nay, ông B đồng thời là người đại diện ủy quyền cho bà M yêu cầu bà L có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông số tiền vay 110.000.000 đồng.

Xét thấy việc vay mượn giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, và phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ khi ông B, bà M có yêu cầu thu hồi vốn làm thiệt thòi quyền lợi của ông B, bà M. Trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa bà L vắng mặt và cũng không gửi ý kiến trình bày để Hội đồng xét xử xem xét, ông B xuất trình chứng cứ là biên bản hòa giải tại ban Á, xã L giữa ông B, bà M với bà L.

[4] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nghĩa vụ trả nợ của bị đơn:*

Ông B, bà M yêu cầu bà L có nghĩa vụ trả cho ông B, bà M số tiền vốn vay 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng).

Đối với nghĩa vụ trả nợ của bị đơn: Từ khi vay đến nay bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông B, bà M, mặc dù ông B, bà M có yêu cầu và tại ban Á, xã L, huyện C bà L vẫn thừa nhận và có hứa trả nhưng sau đó bà L vẫn không thực hiện.

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của ông B và đồng thời là người đại diện ủy quyền cho bà M phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, bà M, buộc bà L có nghĩa vụ trả cho ông B, bà M số tiền vay là 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng) là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] *Về lãi suất:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa ông B và đồng thời là người đại diện ủy quyền cho bà M yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 02/12/2024 cho đến khi xét xử sơ thẩm. Do đó số tiền được tính như sau:

Số tiền vốn vay là 110 .000.000 đồng. Ngày 02 /12/2024 đến ngày 26.02.2024 là 86 ngày x lãi suất 10%/tháng = 2.628.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 112.628.000 đồng (một trăm mười hai triệu sáu trăm hai mươi tám ngàn đồng)

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Ông Lê Khắc B, bà Lê Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ các Điều:*

Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Khắc B, bà Lê Thị M.

Buộc bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Lê Khắc B, bà Lê Thị M số tiền vốn vay là 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng) và số tiền lãi là 2.628.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 112.628.000 đồng (một trăm mười hai triệu sáu trăm hai mươi tám ngàn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị L phải chịu 5.631.400 đồng (năm triệu sáu trăm ba mươi một ngàn bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Khắc B, bà Lê Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Lê Khắc B, bà Lê Thị M số tiền tạm ứng án phí 2.750.000 (hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) mà ông B, bà M đã nộp theo biên lai thu số 0023747 ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

3. Đương sự có mặt tham gia phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND H. Chợ Mới;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**Châu Vũ Sơn**